Giảng viên: ThS. TRẦN THỊ PHƯƠNG MAI
Điện thoại: 0906679196
Email: pmai.kt@gmail.com

Mô tả môn học

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành về:

- ✓Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
- ✓Thuế tiêu thụ đặc biệt
- ✓Thuế Giá trị gia tăng
- ✓Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- ✓Thuế thu nhập cá nhân

Nội dung môn học

Chương 1: Tổng quan về thuế
Chương 2: Thuế xuất khẩu, nhập khẩu
Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt
Chương 4: Thuế giá trị gia tăng
Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp
Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân

Tài liệu học tập và nghiên cứu

1. Giáo trình chính: Giáo trình Thuế - trường Đại học Kinh Tế TP. HCM
2. Bài tập Thuế - trường Đại học Kinh Tế TP. HCM
3. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo hiểm.
4. Các tài liệu khác từ internet, tạp chí, công trình nghiên cứu,…
5. Các trang điện tử
   - **Bộ Tài chính:** www.mof.gov.vn
   - **Tổng Cục thuế:** www.gdt.gov.vn
   - **Cục thuế TP.HCM :** www.hcmtax.gov.vn

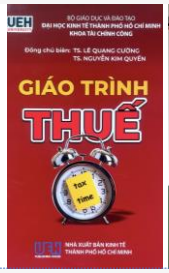

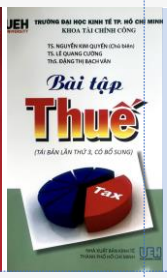

Yêu cầu của môn học

1. Đi học đầy đủ, đúng giờ (Buổi sáng: 7h15 bắt đầu vào học. Sinh viên vào học sau 7h15 xem như vắng học không phép).
2. Thực hiện đầy đủ bài tập trên lớp và về nhà theo yêu cầu của giảng viên.
3. Tìm hiểu lý thuyết trước buổi học.

Hình thức đánh giá

- Kiểm tra giữa kì: 40%
- Thi kết thúc môn học: 60%
- Sinh viên vắng không phép từ 20% tổng số tiết học trở lên sẽ bị cấm thi.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Tự luận, thời gian: 75 phút

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THUẾ

Sau khi học xong chương này, sinh viên sẽ:

- ✓Hiểu rõ khái niệm, bản chất của thuế và phân tích các đặc trưng cơ bản của thuế.
- ✓Nhận biết các đặc điểm của thuế trực thu và thuế gián thu. Phân biệt sự khác nhau giữa thuế trực thu và thuế gián thu.
- ✓Khái quát các yếu tố cơ bản hình thành luật thuế.
- ✓Phân biệt thuế xuất tuyệt đối, thuế suất tỉ lệ cố định, thuế suất tỉ lệ lũy tiến, thuế suất tỉ lệ lũy thoái, thuế suất trung bình.

Đặt câu hỏi

Dựa vào kiến thức đã biết theo các bạn hiểu thuế là gì?

I. Khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò của thuế

1. Khái niệm thuế

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc của các pháp nhân, thể nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, không mang tính chất hoàn trả trực tiếp, nhằm sử dụng cho mục đích chung toàn xã hội.

2. Đặc điểm của thuế

1. Thuế là một khoản không bồi hoàn, không mang tính hoàn trả trực tiếp.
2. Thuế là một khoản thu mang tính bắt buộc, để đảm bảo tập trung thuế trên toàn xã hội.
3. Các pháp nhân và thể nhân chỉ phải nộp cho nhà nước các khoản thuế đã được pháp luật quy định.

3. Chức năng, vai trò của thuế

1. Huy động nguồn lực tài chính cho NSNN

2. Điều tiết vĩ mô nền kinh tế

- ✓Thuế góp phần hình thành cơ cấu ngành hợp lý.
- ✓Điều chỉnh tích luỹ tư bản: Thuế suất giảm dần.
- ✓Thuế góp phần bảo hộ nền sản xuất trong nước.

3. Chức năng, vai trò của thuế

3. Điều hoà thu nhập, thực hiện công bằng xã hội

✓Thuế là công cụ để NN can thiệp vào quá trình phân phối TN, của cải XH, hạn chế sự chênh lệch lớn về mức sống, về TN giữa các tầng lớp dân cư trong XH.

✓Điều hoà TN giữa các tầng lớp dân cư có thể được thực hiện thông qua các sắc thuế trực thu.

✓Ngoài ra việc điều hoà thu nhập, định hướng tiêu dùng còn có thể được thực hiện một phần thông qua các sắc thuế gián thu như thuế TTĐB.

4. Thuế là công cụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. Phân loại thuế

1. Phân loại theo phương thức đánh thuế

1.1. Thuế trực thu: là loại thuế đánh trực tiếp vào TN hoặc tài sản của người nộp thuế.

✓*Ưu điểm:* động viên trực tiếp vào thu TN chịu thuế.

✓*Nhược điểm:* dễ gây ra phản ứng từ phía người nộp thuế

1. Phân loại theo phương thức đánh thuế

1.2. Thuế gián thu: Thu một cách gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ

- ✓ *Ưu điểm:* đối tượng chịu rộng. Thuế ẩn vào giá bán HHDV nên người chịu thuế thường không cảm nhận được gánh nặng của loại thuế này
- ✓ *Nhược điểm:* Do có tính chất luỹ thoái nên không đảm bảo tính công bằng trong nghĩa vụ nộp thuế.

2. Phân loại theo cơ sở tính thuế

- **Thuế thu nhập**

  Cơ sở đánh thuế là thu nhập kiếm được

- **Thuế tiêu dùng**

  Cơ sở đánh thuế là phần thu nhập của tổ chức, cá nhân được mang ra tiêu dùng trong hiện tại (thuế GTGT, TTĐB…)

- **Thuế tài sản**

  Cơ sở đánh thuế là giá trị tài sản: Tài sản tài chính, Tài sản cố định,Tài sản vô hình... (thuế Nhà đất…)

3. Phân loại theo mức thuế

1. Thuế đánh theo tỷ lệ %

✓Thuế lũy tiến

✓Thuế lũy thoái

✓Thuế tỷ lệ cố định

2. Thuế đánh trên mức tuyệt đối

✓Ấn định một số thu bằng tiền trên một đơn vị tính thuế như trọng lượng, khối lượng, diện tích, đơn vị sản phẩm.

4. Phân loại theo chế độ phân cấp và điều hành ngân sách

Thuế trung ương

Được Nhà nước ban hành luật pháp và thu trong phạm vi toàn quốc

Thuế địa phương

Thu trong phạm vi lãnh thổ vùng hoặc địa phương và NSNN ở địa phương hưởng.

Ở Việt nam áp dụng chính sách thuế thống nhất.

III. CÁC YẾU TỐ CỦA LUẬT THUẾ

Nếu bạn nhận được yêu cầu phải đóng thuế 5tr thì bạn đặt ra những câu hỏi gì?

CÁC YẾU TỐ CỦA LUẬT THUẾ

1. Tên gọi
2. Người nộp thuế
3. Đối tượng chịu thuế
4. Căn cứ tính thuế
5. Ưu đãi thuế

1. Tên gọi

- Phản ánh nội dung chính của từng loại thuế và để phân biệt với những loại thuế khác
- Thường đặt tên sắc thuế theo đối tượng đánh thuế (TNDN, TNCN...), theo từng mặt hàng (thuế rượu, thuế thuốc lá…) hoặc theo nội dung (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu…)

2. Người nộp thuế

- Xác định chủ thể có nghĩa vụ phải nộp thuế
- Người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế là thể nhân hoặc pháp nhân có trách nhiệm trực tiếp nộp thuế cho Nhà nước.
- Phân biệt người nộp thuế và người chịu thuế.

3. Đối tượng tính thuế

- Đối tượng tính thuế là căn cứ để xác định số tiền thuế phải nộp, là cơ sở tính thuế được thể hiện dưới dạng tiền tệ.
- Có 3 đối tượng chính để tính thuế:
  - ✓Giá trị hàng hóa và dịch vụ được tạo ra bởi hoạt động kinh tế.
  - ✓Giá trị tài sản
  - ✓Thu nhập của doanh nghiệp hoặc cá nhân.

4. Căn cứ tính thuế:

Căn cứ tính thuế đối với một sắc thuế là:

- Cơ sở tính thuế.
- Thuế suất
  - ✓Thuế suất tỷ lệ
  - ✓Thuế suất tuyệt đối

5. Ưu đãi thuế

- Mục đích khuyến khích phát triển sản xuất, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu KT...
- Ưu đãi về thuế suất: Áp dụng thuế suất thấp hơn trong thời gian nhất định với lĩnh vực, ngành nghề hoặc địa bàn đầu tư
- Ưu đãi về miễn thuế, giảm thuế :

  Miễn, giảm thuế cho toàn bộ TN hoặc phần TN cần khuyến khích

  Bên cạnh ưu đãi thuế suất, miễn giảm còn có các hình thức khấu hao nhanh, chuyển lỗ..

IV. Phương hướng sửa đổi hệ thống luật thuế

+ Huy động đầy đủ các nguồn thu vào NSNN.
+ Tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
+ Thu gọn số lượng mức thuế suất.
+ Thống nhất nghĩa vụ thuế tạo môi trường kinh doanh bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.
+ Giảm tỷ lệ điều tiết về thuế TNDN
+ Từng bước đơn giản thủ tục hành chính về thuế.

Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể:

- ✓Hiểu rõ khái niệm và những đặc điểm cơ bản của thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu.
- ✓Tổng hợp và phân tích được vai trò của thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu.
- ✓Xác định được hàng hóa, dịch vụ nằm trong danh mục thuộc diện chịu thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu.
- ✓Khái quát các trường hợp không thuộc diện chịu thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu hiện hành của Việt Nam,
- ✓Nhận biết người nộp thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.
- ✓Xác định được Phương pháp tính thuế, giá tính thuế, thuế suất thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.
- ✓Hiểu rõ về Phương pháp xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.
- ✓Hiểu rõ về niễm thuế, xét miễn thuế, giảm thuế và hoàn thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.

c. Thuế suất:

❖**Thuế suất thuế xuất khẩu:** được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại Biểu thuế xuất khẩu.

❖**Thuế suất thuế nhập khẩu:** bao gồm thuế suất ưu đãi đặc biệt, thuế suất ưu đãi và thuế suất thông thường.

Thuế suất thông thường = thuế suất ưu đãi * 150%.

d. Giảm thuế:

Hàng hóa XK, NK đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan, nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được xét giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa.

e. Hoàn thuế:

Hàng hóa XK đã nộp thuế XK nhưng phải tái nhập khẩu trở lại Việt Nam được hoàn thuế XK đã nộp.

Ví dụ:

1. Công ty Thăng Long xuất khẩu 1200 bút chì A2, giá FOB là 6 USD/sản phẩm, hợp đồng có quy định thanh toán chậm sau 6 tháng với lãi xuất 0,3 % tháng, thuế xuất khẩu 3%, tỉ giá là 1USD = 20.000 VND.

Ví dụ:

2. Trong tháng 10/2023 Công ty ABC có phát sinh các nghiệp vụ sau:

a. Trực tiếp xuất khẩu lô hàng gồm 500 sản phẩm A. Theo hợp đồng giá FOB là 10USD/SP. Tỷ giá tính thuế là 21.000 đ/USD.

b. Nhận ủy thác nhập khẩu lô hàng B theo tổng giá trị mua với giá CIF là là 30.000USD. Tỷ giá tính thuế là 21.500 đ/USD.

c. Nhập khẩu 5.000 sản phẩm C. Theo hợp đồng giá FOB là 8 USD/sp, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế là 2 USD/SP. Tỷ giá tính thuế là 22.000 đ/USD.

d. Trực tiếp xuất khẩu 10.000 sản phẩm D theo điều kiện CIF là 5 USD/sp, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế là 5.000 đ/sp. Tỷ giá tính thuế là 21.500 đ/USD.

e. Nhập khẩu nguyên vật liệu E để gia công cho phía nước ngoài theo hợp đồng gia công đã ký, trị giá lô hàng theo điều kiện CIF quy ra tiền VN là 300.000.000đ.

Khi tra cứu biểu thuế thì thấy: thuế xuất khẩu sản phẩm A và D là 2%, thuế nhập khẩu B và E là 10%, sản phẩm C là 15%.

Bài tập 1:

Công ty X có hoạt động xuất nhập khẩu như sau:

I. Tình hình xuất khẩu:

1. Xuất khẩu 50.000 SPA, giá FOB 80 USD/SP.
2. Nhận xuất khẩu ủy thác 50.000 SPB, giá CIF 100 USD/SP, I&F bằng 10% giá CIF. Hoa hồng ủy thác bằng 5% trên tổng giá FOB

II. Tình hình nhập khẩu:

1. Nhập khẩu 80.000 SPC, giá CIF 50USD/SP.
2. Nhận nhập khẩu ủy thác 30.000 SPD, giá FOB 60USD/SP, I&F bằng 10% giá FOB. Hoa hồng ủy thác bằng 5% trên tổng giá FOB.

Yêu cầu:

Xác định số thuế Nhập khẩu, thuế Xuất khẩu công ty X phải nộp.

Tài liệu bổ sung:

- Hoạt động xuất nhập khẩu có hợp đồng, chứng từ hợp lệ, thanh toán qua ngân hàng.
- Thuế suất thuế xuất khẩu SP A, B: 1%.
- Thuế suất thuế nhập khẩu SP C: 20%, SP D: 25%.
- Tỷ giá hối đoái tính thuế: 22.000 VND/USD

Bài tập 2:

Tính thuế XNK của công ty kinh doanh XNK như sau:

1. Trực tiếp xuất khẩu lô hàng 500 SPA. Hợp đồng giá FOB là 10USD/SP, tỷ giá tính thuế là 18.000 VND/USD.
2. Nhận nhập khẩu ủy thác lô hàng B theo tổng giá trị mua với giá CIF là 30.000USD. Tỷ giá tính thuế là 18.500VND/USD.
3. Nhập khẩu 5.000 SPC, giá hợp đồng theo giá FOB là 8 USD/SP, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế là 2 USD/SP. Tỷ giá tính thuế là 18.000 VND/USD.
4. Trực tiếp xuất khẩu 10.000 SPD, theo điều kiện CIF là 5 USD/SP, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế là 5.000 VND/SP. Tỷ giá tính thuế là 16.500 VND/USD

5. Nhập khẩu NVL E để gia công cho phía nước ngoài theo hợp đồng gia công đã ký, trị giá lô hàng CIF quy ra tiền Việt là 300 đồng.

Biết rằng: thuế XNK SP A là 2%, B và E là 10%, C là 15%, D là 2%.

Bài tập 3:

1. Nhập khẩu 3 lô hàng xuất xứ tại Mỹ, cả 3 lô đều mua theo điều kiện FOB. Tổng chi phí chuyên chở cho 3 lô hàng từ cảng nước Mỹ tới Việt Nam là 10.000 USD.

- Lô hàng A tổng giá trị là 18.000 USD, mua bảo hiểm 2% giá FOB.
- Lô hàng B gồm 15.000 SP, đơn giá 5 USD/SP, mua bảo hiểm 1,5% giá FOB.
- Lô hàng C gồm 2.000 SP, đơn giá 100 USD/SP, mua bảo hiểm 1% giá FOB.

2. Công ty ký hợp đồng gia công cho nước ngoài, theo hợp đồng, công ty nhập khẩu 50.000 kg vật liệu, giá CIF quy ra đồng Việt Nam là 20.000 đ/kg.

Theo định mức được giao thì phía Việt Nam phải hoàn thành 5.000 SP từ số nguyên liệu nói trên. Tuy nhiên, khi giao hàng thì có 1.000 SP không đạt yêu cầu nên bên nước ngoài trả lại, phải tiêu dùng nội địa với giá bán chưa thuế GTGT là 300.000 đ/SP.

Hãy tính thuế XNK mà doanh nghiệp phải nộp. Biết rằng thuế suất XNK của A là 10%, B là 15%, C là 12%, nguyên liệu 10%, thành phẩm 2%, tỷ giá tính thuế là

1 USD = 20.000 VND

CHƯƠNG 3
THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Phương pháp tính thuế:

1. **Đối với sản xuất hàng hóa bán trong nước, hàng hóa nhập khẩu bán trong nước và kinh doanh dịch vụ**

Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong **tháng** được tính như sau:

Thuế TTĐB phải nộp = **Số lượng tính thuế** X **Đơn giá tính thuế** X **Thuế suất thuế TTĐB**

Thời điểm tính thuế đối với hàng hóa bán ra là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Thời điểm tính thuế đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

1.1 Số lượng tính thuế:

Là số lượng tiêu thụ trong kỳ tính thuế, kể cả trường hợp trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mãi.

1.2 Giá tính thuế

a. **Đối với hàng hóa sản xuất bán trong nước, hàng hóa nhập khẩu bán trong nước:**

Giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế Bảo vệ môi trường, chưa có thuế GTGT (không loại trừ giá trị vỏ, bao bì):

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế Bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

TRƯỜNG HỢP	GIÁ TÍNH THUẾ
Bán hàng qua cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc	Giá do cơ sở hạch toán phụ thuộc bán ra chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế BVMT và chưa có thuế GTGT.
Bán hàng thông qua đại lý (Đại lý chỉ hưởng hoa hồng, bán đúng giá do cơ sở sản xuất / nhập khẩu quy định)	Giá do cơ sở sản xuất / nhập khẩu quy định chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế BVMT, chưa có thuế GTGT và KHÔNG TRỪ tiền hoa hồng.
Người mua – bán có mối quan hệ công ty mẹ - công ty con, công ty con trong cùng 1 công ty mẹ, công ty liên kết.	Giá tính thuế TTĐB không được thấp hơn 7% so với bình quân trong tháng của các cơ sở thương mại mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất/ nhập khẩu.
Bia chai có cược vỏ chai	Tiền đặt cược tương ứng với giá trị số vỏ chai không thu hồi được phải được vào doanh thu tính thuế TTĐB.

TRƯỜNG HỢP	GIÁ TÍNH THUẾ
Hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm	Giá bán chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế BVMT, chưa có thuế GTGT của hàng hóa theo phương thức trả tiền 1 lần, KHÔNG BAO GỒM khoản lãi trả góp, trả chậm.
Hàng hóa gia công	Giá bán ra của cơ sở giao gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại / tương đương tịa cùng thời điểm chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế BVMT, chưa có thuế GTGT.
Hàng hóa dùng trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho , khuyến mại	Giá tính thuế TTĐB của hàng hóa cùng loại / tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.
Cơ sở kinh doanh XK mua hàng chịu thuế TTĐN của cơ sở sản xuất để XK nhưng KHÔNG XK mà bán trong nước	Giá bán ra trong nước của sở sở XK chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế BVMT, chưa có thuế GTGT.

b. Đối với dịch vụ:

Giá tính thuế TTĐB đối với dịch vụ bao gồm cả khoản thu thêm tính ngoài giá bán dịch vụ mà cơ sở sản xuất kinh doanh được hưởng.

Giá tính thuế đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB là giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT:

$$\text{Giá tính thuế TTĐBd} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{\text{1+ Thuế suất thuế TTĐB}}$$

TRƯỜNG HỢP	GIÁ TÍNH THUẾ
Kinh doanh sân golf	Doanh thu chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi golf (bao gồm cả tiền vé tập golf, tiền bảo dưỡng sân cỏ, cho thuê xe (buggy), thuê người giúp việc trong khi chơi golf (caddy), tiền ký quỹ và các khoản thu khác do người chơi golf, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh sân golf.
Kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng	Doanh thu từ kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng – tiền thưởng cho khách (chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế GTGT).
Kinh doanh đặt cược	Doanh thu từ bán vé đặt cược – tiền trả thưởng cho khách (chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế GTGT), không bao gồm doanh số bán vé vào cửa xem các sự kiện giải trí gắn với hoạt động đặt cược.

TRƯỜNG HỢP	GIÁ TÍNH THUẾ
Kinh doanh xổ số (xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật)	Là doanh thu bán vé chưa có thuế TTĐB chưa có thuế GTGT.
Dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mãi	Là giá tính thuế TTĐB của dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.
Kinh doanh vũ trường, massage, karaoke	Doanh thu các hoạt động trong vũ trường, cơ sở massage, karaoke, bao gồm cả các dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm (chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế GTGT)

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu:

Kỳ tính thuế TTĐB của hàng hóa nhập khẩu được xác định theo từng lần nhập khẩu.

Thời điểm xác định thuế TTĐB đối với hàng hóa NK là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Số lượng nhập khẩu} \times \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \text{Giá tính thuế NK} + \text{Thuế nhập khẩu (nếu có)}$$

3. Thuế suất:

Xem Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt: https://quochoi.vn/tintuc/Pages/he-thong-thong-tin-van-ban.aspx?ItemID=72060#_ftn2

4. Khấu trừ thuế:

- Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng NVL chịu thuế TTĐB thì được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với NVL.